TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH** Bản án số: 128/2025/HNGĐ-ST Ngày: 30/6/2025 *"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Ông Bùi Quang Năng

- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Văn Hồng

Ông Nguyễn Thái Linh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Quỳnh Lê- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 47/2025/ TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025 về việc "tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 101/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G**; Sinh năm 1994**; Nơi ĐKHKTT: Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Ngô Quang T**; Sinh năm 1993**; Nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. (Hiện đang lao động tại Hàn Quốc); Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, chị Nguyễn Thị G *trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Ngô Quang T** tự do tìm hiểu, đi đến hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 06/01/2014 tại **UBND xã X**, **huyện N, tỉnh Hà Tĩnh**. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau cho đến khoảng năm 2016 thì anh **T** đi lao động tại Hàn Quốc, thời gian đầu vợ chồng vẫn bình thường, thường xuyên liên lạc với nhau cho đến năm 2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị và con chuyển về sinh sống với bố mẹ đẻ tại **xóm**

H, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An cho đến nay. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung, anh **Ngô Quang T** không có trách nhiệm với vợ con, mặt khác do vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu nên dẫn đến không còn quan tâm đến nhau cũng như không còn tình cảm với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc và không mong muốn duy trì cuộc sống hôn nhân nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Ngô Quang T**.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là **Ngô Quang T1**, sinh ngày 03/9/2014 và **Ngô Quang T2**, sinh ngày 04/12/2016. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh **Ngô Quang T** đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị **Nguyễn Thị G** yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tiến hành thụ lý giải quyết vụ án mà không thực hiện thủ tục hòa giải tiền tố tụng cũng như hòa giải trong quá trình giải quyết.

Chị Nguyễn Thị G trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh Ngô Quang T tại Hàn Quốc mà chỉ biết anh thường gọi điện về cho bố mẹ anh là ông Ngô Văn H và bà Đậu Thị N, trú tại: Thôn T, xã X, huyện N, Hà Tĩnh. Chị đề nghị Tòa án thu thập địa chỉ của anh T qua bố mẹ anh.

Bị đơn anh Ngô Quang T hiện đang làm việc tại Hàn Quốc. Toà án đã tiến hành xác minh tại mẹ đẻ anh là bà Đậu Thị N, trú tại: Thôn T, xã X, huyện N, Hà Tĩnh, bà N cho biết anh Ngô Quang T là con trai bà, hiện làm việc tại Hàn Quốc, anh T đi lao động tại Hàn Quốc từ năm 2017, đến năm 2018 có về Việt Nam 01 lần, từ 2018 đến nay không về nước, T thường xuyên liên lạc về gia đình nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể nên gia đình không biết để cung cấp cho Toà án; gia đình không biết cụ thể mâu thuẫn giữa chị G và anh T. Việc chị G làm thủ tục ly hôn với anh T, gia đình đã nhận được các văn bản của Toà án và thông báo cho anh T. Anh T có nói với gia đình là mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái nhưng khi T trao đổi với G thì G không đồng ý nên T nói việc ly hôn do G tự giải quyết. Về con chung, anh T đồng ý giao con chung cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra anh T không cung cấp địa chỉ và không gửi văn bản trình bày ý kiến. Bà đồng ý nhận các văn bản của Toà án và thông báo lại cho anh T.

Cháu Ngô Quang T1, sinh ngày 03/9/2014 và Ngô Quang T2, sinh ngày 04/12/2016 có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, các đương sự; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, cụ thể:

- Về tình cảm: Chị **Nguyễn Thị G** được ly hôn anh **Ngô Quang T**.

- Về con chung: Giao cháu **Ngô Quang T1** sinh ngày 03/9/2014 và cháu **Ngô Quang T2** sinh ngày 04/12/2016 cho chị **Nguyễn Thị G** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **Ngô Quang T** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị **Nguyễn Thị G** phải chịu án phí giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị G (trú tại: Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An) khởi kiện xin ly hôn anh Ngô Quang T (Nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, anh T đang sống và làm việc tại nước Hàn Quốc. Theo công văn số 270/QLXNC- Đ1 ngày 17/3/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh H thì anh Ngô Quang T đã xuất cảnh lần gần nhất ngày 06/01/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 37 , khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Ngô Quang T hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho thân nhân anh Ngô Quang T. Đồng thời, tiến hành xác minh địa chỉ cụ thể và lấy ý kiến của anh Ngô Quang T đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị G nhưng anh T không có ý kiến hay bất kỳ văn bản tài liệu nào gửi về Tòa án tỉnh Hà Tĩnh. Tòa án yêu cầu nhân thân của anh T cung cấp địa chỉ, tin tức để Tòa án giải quyết vụ án nhưng gia đình không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T. Tòa án đã thông báo về việc giải quyết vụ án cho anh T trên kênh đối ngoại VOV5 Đài tiếng nói Việt Nam ba lần trong ba ngày liên tiếp từ ngày 29/4, 30/4, 01/5/2025 nhưng không có hồi âm của bị đơn. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã mở phiên tòa ấn định thời gian xét xử lần 1 vào ngày 16/6/2025, lần 2 vào ngày 30/6/2025 tống đạt, niêm yết hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt và không có bất kỳ văn bản ý kiến nào gửi Tòa án. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

[1.3] Chị Nguyễn Thị G vì lý do ở xa và bận công việc nên không thể đến tham gia phiên tòa và có đơn xin được xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh T, chị G theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Ngô Quang T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh T là hợp pháp. Theo chị G trình bày từ năm 2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị và con chuyển về sinh sống với bố mẹ đẻ tại xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An cho đến nay. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung, anh Ngô Quang T không có trách nhiệm với vợ con, mặt khác do vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu nên dẫn đến không còn quan tâm đến nhau cũng như không còn tình cảm với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh Ngô Quang T đã được gia đình thông báo về việc chị Nguyễn Thị G có đơn xin ly hôn, Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc tống đạt văn bản cho anh nhưng anh không có ý kiến bằng văn bản về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy: Hai vợ chồng không quan tâm đến nhau, tình cảm không còn, hiện mỗi người sống một nơi không có khả năng đoàn tụ. Chị G và anh T không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, mâu thuẫn căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị G.

[3] Về con chung: Chị **Nguyễn Thị G** và anh **Ngô Quang T** có 02 con chung là **Ngô Quang T1**, sinh ngày 03/9/2014 và **Ngô Quang T2**, sinh ngày 04/12/2016. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ nhỏ đến nay các con sống với chị **G**, được chị **G** chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển ổn định, nay ly hôn chị **G** có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con, hai con cũng có nguyện vọng được sống với mẹ, anh **T** đang đi làm xa không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, cần giao con chung **Ngô Quang T1**, sinh ngày 03/9/2014 và **Ngô Quang T2**, sinh ngày 04/12/2016 cho chị **Nguyễn Thị G** chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi về quyền nuôi con là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Chị **Nguyễn Thị G** không yêu cầu, miễn xét. Anh **Ngô Quang T** có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết, miễn xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 39, 227, 228, 469, Điều 474, Điều 477, Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp

dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thi G, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thi G ly hôn với anh Ngô Quang T.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Ngô Quang T1, sinh ngày 03/9/2014 và Ngô Quang T2, sinh ngày 04/12/2016 cho chị Nguyễn Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi về quyền nuôi con. Anh Ngô Quang T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thi G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo giấy thu tiền tạm ứng án phí số 000003090435 ngày 27/02/2025 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân Hải,
huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh (Nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VP, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quang Năng